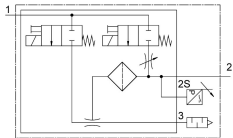


Bộ phát chân không OVEH-10-L-Q6-G18-UA-C-PNLK-R12-HRC

Số bộ phận: 8205193

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Chiều rộng định mức vòi phun laval	0.95 mm
Thiết kế bộ giảm thanh	mở
Vị trí lắp đặt	bất kỳ
Đặc điểm của bơm phun	lưu lượng theo thể tích hút cao Tiêu chuẩn
Độ mịn bộ lọc	40 µm
Nút ghi đè	không
Chức năng tích hợp	Xung phóng điện Cảm biến áp suất Van bật-tắt điện Bộ lọc Bộ giảm thanh đã đóng
Cấu trúc xây dựng	Sự hợp tác giữa người và rô-bốt (HRC)
Chống chịu ngắn mạch	có
Chức năng van	đóng
Chống phân cực	có
Kiểu hiển thị	Màn hình LED 2 chữ số
Áp suất hoạt động cho dòng thể tích hút tối đa	0.6 MPA
Áp suất hoạt động cho lưu lượng thể tích hút tối đa	6 bar
Áp suất vận hành cho lưu lượng theo thể tích hút tối đa	87 psi
Áp suất vận hành	0.2 MPA...0.7 MPA 2 bar...7 bar 29 psi...101.5 psi
Chân không tối đa	85 %
Áp suất làm việc danh nghĩa	0.4 MPA
Áp suất vận hành định mức	4 bar
định mức áp suất làm việc	58 psi
Dòng thể tích hút tối đa so với không khí	30 l/ph
Thời gian thông gió ở áp suất hoạt động danh định với xung đẩy ra	0.4 s
Dải điện áp hoạt động DC	21.6 V...26.4 V
Thời gian bật	100%
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 1,0 W
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU

Đặc tính	Giá trị
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển	Không thể hoạt động bằng dầu
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L
Nhiệt độ trung bình	0 °C...50 °C
Độ ẩm tương đối	tối đa 93 % ở 40 °C
Mức áp suất âm thanh ở áp suất vận hành định mức	55 dB(A)
Mức công suất âm thanh ở áp suất vận hành định mức	66 dB(A)
Mức độ bảo vệ	IP40
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 °C...50 °C
trọng lượng sản phẩm	415 g
Dải đo áp suất	-0.1 MPA...0 MPA -1 bar...0 bar -14.5 psi...0 psi
Giao thức	Kết nối IO-Link
IO-Link, phiên bản giao thức	Thiết bị V 1.1
Liên kết IO, hồ sơ	Cấu hình cảm biến thông minh
IO-Link, các lớp chức năng	Kênh dữ liệu nhị phân (BDC) Biến dữ liệu quy trình (PDV) Nhận diện Chẩn đoán Kênh dạy
IO-Link, Communication mode	COM2 (38,4 kBaud)
IO-Link, hỗ trợ chế độ SIO	Có
IO-Link, Port class	A
IO-Link, độ rộng xử lý dữ liệu OUT	0 Byte
IO-Link, xử lý độ rộng dữ liệu IN	2 Byte
IO-Link, nội dung dữ liệu quá trình IN	14 bit PDV (Giá trị đo áp suất) 2 bit BDC (Giám sát áp suất)
IO-Link, thời gian chu kỳ tối thiểu	3 ms
IO-Link, yêu cầu bộ nhớ dữ liệu	0.5 byte
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Cáp có giắc cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	được kê góc
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	8
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	5
Cổng nối điện đầu vào, chức năng	Xung phóng Bộ nguồn Tạo chân không
Cổng nối điện đầu ra, chức năng	Đầu ra kỹ thuật số
Đặc điểm dây dẫn	Thích hợp cho Robot
Dung sai đường kính cáp	± 1 mm
Chiều dài cáp	0.3 m
Kiểu gắn	với bộ gá theo ISO 9409
Cổng nối khí nén 1	đối với ống mềm Ø ngoài 6 mm
Cổng nối khí nén 3	Bộ giảm thanh mở
Giắc hút chân không	G1/8
Chỉ dẫn về cổng nối chân không	có thể có thêm phụ kiện
Vật liệu ren cổng nối	Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa

Đặc tính	Giá trị
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu vòi thu gom	POM
Vật liệu bộ lọc	POM
Vật liệu vỏ	PA gia cố
Vật liệu vít rỗng	Hợp kim nhôm rèn
Vít điều chỉnh vật liệu	Thép
Vật liệu giảm âm	PA gia cố PE
Vật liệu vít	Thép
Vật liệu vòi phun	Hợp kim nhôm rèn